

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/DS-ST

Ngày: 15/9/2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

- Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Lương Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2020, về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2020/QĐXXST-DS ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H – sinh năm 1990

Địa chỉ: Số x NCT, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn L – sinh năm 1994

Địa chỉ: Số y VVK, phường KX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Quang V – sinh năm 1987

Địa chỉ: Số x NCT, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết thỏa thuận làm ăn giữa tôi và anh Lê Văn L. Vào ngày 04/3/2019 tôi có mua hàng của anh L (điện thoại di động, hàng công ty có hóa đơn). Anh L trong 4 lần đầu lấy hàng trước và đưa tiền sau.

Sau lần đó anh L có làm việc với tôi là muốn lấy trước 1 nửa tiền hàng để đặt cọc bên đầu hàng để lấy được số hàng nhiều hơn, tôi có đưa tiền cho anh L và

anh L không đưa đủ số hàng như đã thỏa thuận. Sau nhiều lần tôi đưa tiền là anh L không đưa đủ hàng thì đến ngày 28/5/2019 số tiền anh L nợ tôi lên đến 986.000.000 đồng. Tôi đã nhiều lần gọi điện nhắn tin và có hẹn gặp và yêu cầu trả tiền nhưng anh L vẫn hứa nhưng không trả.

Ngày 24/7/2019 tôi hẹn gặp và có nói anh L viết cho tôi 1 tờ giấy nợ làm tin thì anh L có hứa đến ngày 30/7/2019 sẽ giao đủ số tiền hàng nếu không sẽ trả lại tiền nhưng đến ngày anh L vẫn không có hàng trả cho tôi nên tôi có nhờ anh trai bên Gia Lai qua để đến nhà anh L giải quyết. Vì sợ gia đình biết chuyện nên anh L có hẹn đến ngày 03/8/2019 hãy xuống nhà để anh báo trước gia đình.

Ngày 03/8/2019 tôi và anh tôi có xuống gặp gia đình anh L vì gia đình anh L không có sổ sách nên gia đình anh có yêu cầu tôi để lại sổ sách của tôi để xem sau khi ngồi cộng sổ thì anh L nói quên không nhớ nhận tiền ở đâu nên tôi đã không tiếp tục làm việc với gia đình anh nữa. Nay thời gian anh L nợ tiền tôi đã quá lâu và hẹn nhiều lần nhưng không trả.

Nay tôi đề nghị Toàn án buộc anh Lê Văn L trả lại số tiền 986.000.000 đồng.

*** Bị đơn ông Lê Văn L trình bày:**

Trước đây tôi và chị Trần Thị H có quan hệ làm ăn buôn bán điện thoại chung với nhau, trong thời gian hai bên làm ăn chung từ đầu tháng 3/2019 đến khoảng cuối tháng 3/2019 thì hai bên có phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc. Do một số lần làm ăn thua lỗ nên tôi có thiếu bên phía chị H một khoản tiền hàng, theo như chị H tính toán vào lúc đó là 400.000.000 đồng sau khi chốt số nợ trên vào ngày 29/4/2019 tôi đã hoàn trả lại số tiền trên cho chị H (có làm giấy tờ xác nhận của chị H) và chị H đã công nhận hai bên không còn nợ nần gì nhau và chúng tôi kết thúc việc làm ăn buôn bán chung.

Tuy nhiên một thời gian sau đó chị H gặp và bảo bố tôi rằng tôi còn thiếu chị một khoản tiền khá lớn và yêu cầu tôi phải giải quyết. Đến khoảng tháng 7/2019 khi tôi đang ngồi chơi ở tiệm điện thoại z thì chị H đưa ra 02 tờ giấy nhận nợ và biên nhận tiền yêu cầu tôi phải hoàn trả số tiền mà chị H nói tôi còn thiếu. Tôi không đồng ý vì chưa tính toán sổ sách giấy tờ, lúc này 02 tờ giấy hoàn toàn chưa có nội dung về số tiền, chị H bảo tôi ký tên trước để còn tính toán. Sau đó một thời gian khi tôi đang đi trên đường GP thì chị H đi cùng 01 thanh niên xã hội đen chặn xe tôi lại yêu cầu tôi phải trả tiền. Do tôi trước đây bị bắt và đánh đập nhiều lần nên tôi rất lo sợ, hai người đưa tôi đến quán cà phê tại ngã ba ĐTT và MHĐ để nói chuyện. Tại đây chị H đã cầm 01 quyển sổ tay nhỏ ra và nói số tiền tôi còn nợ là 986.000.000 đồng bắt tôi phải ký xác nhận. Trong quá trình đó tôi có nói với chị H và thanh niên kia rằng đây chỉ là em tạm thời xác nhận số tiền trong sổ của chị H còn muốn chính xác thì phải về tính toán đối chiếu lại, chị H đã đồng ý. Sau đó, chị H nhiều lần đã dẫn người xuống nhà tôi tính toán và đối chiếu sổ sách của hai bên nhưng hoàn toàn không phát sinh số tiền trên, chị H không đồng ý và bỏ về, thực tế đối chiếu thì tôi hoàn toàn không nợ số tiền như chị H đã nói mà chị H còn nợ tôi số tiền 214.000.000 đồng nên tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Quang V trình bày:**

Tôi là chồng của bà Trần Thị H, trong quá trình mua bán và trao đổi điện thoại với anh Lê Văn L, sau một thời gian đầu anh L có đưa cho vợ chồng tôi một số điện thoại Iphone và nói vợ chồng tôi bán dùm, nếu bán được sẽ cho vợ chồng tôi một ít tiền. Sau mấy lần như vậy anh L ngỏ lời nói rằng có một số lô hàng lớn nhưng bên đầu hàng bắt phải đưa trước một số tiền vì giá trị của lô hàng cũng khá lớn. Sai khi thông nhất đưa tiền cho anh L để đặt cọc cho lô hàng nói trên tôi có giao việc cho kế toán thời gian vợ tôi có báo với tôi là bên anh L còn lại số tiền 986.000.000 đồng nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của vợ tôi là bà Trần Thị H.

* Tại phiên tòa nguyên đơn nguyên đơn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên ý kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Văn L trả cho bà Trần Thị H số tiền 986.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền là 986.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thừa nhận hai bên có thực hiện việc mua bán điện thoại với nhau, theo đó nguyên đơn bà Trần Thị H là người mua điện thoại từ bị đơn ông Lê Văn L. Như vậy, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện hợp đồng mua bán tài sản với nhau.

Quá trình thực hiện việc mua bán với nhau, nguyên đơn cho rằng đã nhiều lần chuyển tiền trước cho bị đơn rồi sau đó bị đơn giao điện thoại lại cho nguyên đơn, nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn số tiền 986.000.000 đồng để mua điện thoại của bị đơn nhưng bị đơn không giao điện thoại cho nguyên đơn, đến ngày 24/7/2019 nguyên đơn và bị đơn viết giấy nhận nợ với nhau với nội dung bị đơn nợ nguyên đơn số tiền 986.000.000 đồng hẹn đến 30/7/2019 sẽ giao hàng cho

nguyên đơn, bên cạnh đó các bên lập giấy biên nhận tiền với nhau xác định bị đơn đã nhận của nguyên đơn số tiền 986.000.000 đồng, đến ngày 12/11/2019 thì bị đơn viết giấy xác nhận còn dư nợ của nguyên đơn là 986.000.000 đồng. Nguyên đơn đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn không thanh toán số tiền trên. Bị đơn cho rằng số tiền 986.000.000 đồng là do khi uống cà phê chị H đi với 02 thanh niên nữa nên tôi viết, khi viết thì có nói là viết để tạm tính chứ không phải số tiền mà bị đơn nợ nguyên đơn thực tế và qua đối chiếu số liệu thì nguyên đơn còn nợ bị đơn số tiền 214.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Lời trình bày này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận, bị đơn thừa nhận các chữ ký trong giấy nợ và giấy biên nhận giấy hẹn và giấy xác nhận là của bị đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn ông Lê Văn L đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng của bên bán nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 437 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Lê Văn L trả cho nguyên đơn số tiền 986.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1; khoản 5 Điều 26; Khoản 1, điểm a khoản 2 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn ông Lê Văn L phải chịu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 434, Điều 437 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H

Buộc bị đơn ông Lê Văn L trả cho bà Trần Thị H số tiền 986.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

2. Về án phí:

- Ông Lê Văn L phải chịu 41.580.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền 20.790.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0007589 ngày 13/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THA DS TP BMT;
- Các đương sự ;
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự

